

Một số điểm mới trong dự thảo chiến lược 2021-2030 và các vấn đề thảo luận



TS. NGUYỄN ĐÌNH CUNG

**Thành viên Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ
Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)**

Dự báo bối cảnh của chiến lược 2021-2030

1. Bối cảnh quốc tế

01

Hoà bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo.

02

Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, gây ra suy thoái và khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

03

Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn.

04

Xu thế đô thị hoá và phát triển đô thị thông minh ngày càng gia tăng.

05

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

06

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là động lực quan trọng của kinh tế toàn cầu.

07

Tình hình Biển Đông diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường, đe dọa nghiêm trọng đến hoà bình, ổn định của khu vực và môi trường đầu tư phát triển.

Dự báo bối cảnh của chiến lược 2021-2030

2. Bối cảnh trong nước

01

Sau gần 35 năm đổi mới, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh hơn nhiều;

02

Khát vọng vì một Việt Nam thịnh vượng, ý chí tự lực, tự cường là sức mạnh nội sinh cho đất nước phát triển nhanh và bền vững trong thời gian tới;

03

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế và tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguy cơ tụt hậu còn lớn;

04

Quá trình đô thị hoá tiếp tục diễn ra nhanh, tạo sức ép lớn về nhu cầu phát triển hạ tầng và xử lý ô nhiễm môi trường;

05

Đại dịch Covid-19 có thể sẽ ảnh hưởng tiêu cực, kéo dài đến những năm đầu của kỳ Chiến lược; yêu cầu đặt ra không chỉ hóa giải các nguy cơ, vượt qua khó khăn, thách thức mà còn phải tích cực, chủ động trước vận hội mới, thời cơ mới khi cấu trúc kinh tế thế giới, quản trị toàn cầu được định hình lại, phương thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đời sống xã hội.

Năm quan điểm phát triển

Quan điểm số 1 có 5 ý lớn

01

(i) Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

02

(ii) Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh;

03

(iii) Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền;

04

(iv) Phát triển hài hoà giữa kinh tế với văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu;

05

(v) Quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số.

Năm quan điểm phát triển

Quan điểm số 2 có 5 ý nhưng ý thứ nhất là chủ đạo

01

(i) Lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước;

02

(ii) Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất, nhất là đất đai;

03

(iii) Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới;

04

(iv) Phải coi trọng hơn quản lý phát triển xã hội; mở rộng dân chủ phải gắn với giữ vững kỷ luật, kỷ cương;

05

(v) Phát triển nhanh, hài hoà các khu vực kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế.

Năm quan điểm phát triển

Quan điểm số 3 có 4 ý chính.

(i) Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng, phát triển đất nước;

(ii) Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển;

(iii) Lấy giá trị văn hoá, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững;

(iv) Phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân.

Năm quan điểm phát triển

Quan điểm số 4 có 4 ý chính.

(i) Xây dựng nền kinh tế tự chủ phải trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hoá thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế;

(ii) Phải hình thành năng lực sản xuất quốc gia mới có tính tự chủ, tham gia hiệu quả, cải thiện vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu và khả năng chống chịu hiệu quả trước các cú sốc từ bên ngoài;

(iii) Phát huy nội lực là yếu tố quyết định gắn với ngoại lực và sức mạnh thời đại;

(iv) Không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế, phát triển lực lượng doanh nghiệp của người Việt Nam ngày càng vững mạnh và huy động sức mạnh tổng hợp của đất nước, nâng cao hiệu quả và lợi ích do hội nhập quốc tế mang lại.

Năm quan điểm phát triển

Quan điểm số 5 có 4 ý chính.

(i) Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia;

(ii) Gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại;

(iii) Giữ vững an ninh chính trị; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

(iv) Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.

Một số vấn đề thảo luận



Quan điểm là gì?

Các quan điểm, hay nội dung về quan điểm trong chiến lược có vai trò và chức năng gì đối với các phần còn lại của nội dung chiến lược?, nếu không, thì phần nội dung này độc lập, rời rạc, thiếu gắn kết với các nội dung khác? Nếu có gắn kết, thì hình thức biểu hiện cả về hình thức và nội dung là gì?



Các nội dung như dự thảo là quan điểm chưa?, nếu có, thì phù hợp chưa?.v.v.v..



Nội dung về quan điểm như thế quá nhiều? Hay vừa đủ?



Cần thay đổi, bổ sung thêm những gì?



Các mục tiêu chiến lược

Mục tiêu tổng quát Đến năm 2030:

01

Là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao;

02

Có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả;

03

Có kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế;

04

Phát huy sức sáng tạo, ý chí và khát vọng phát triển, sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống hạnh phúc của người dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân;

05

Bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế;

06

Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Những vấn đề được thảo luận nhiều nhất là

1. Mục tiêu tổng quát

CL 2021-2030	CL 2011-2020	CL 2001-2010
Đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.	Đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.	Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Theo UNIDO: Nước công nghiệp (nước công nghiệp mới nổi) có tiêu chí: Giá trị gia tăng công nghiệp chế biến, chế tạo (CNCBCT) bình quân đầu người từ 1.000 - 2.500 USD hoặc giá trị CNCBCT chiếm trên 0,5% tổng giá trị CNCBCT toàn cầu. Nước công nghiệp phát triển (nước đã công nghiệp hoá) có giá trị gia tăng CNCBCT bình quân đầu người trên 2.500 USD hoặc GDP bình quân đầu người theo sức mua tương đương trên 20.000 USD. Trong khu vực ASEAN, nước công nghiệp phát triển có Ma-lai-xi-a và Sing-ga-po, nước công nghiệp có In-đô-nê-xi-a và Thái Lan. Giá trị gia tăng CNCBCT bình quân đầu người của Việt Nam ước đến năm 2020 ở mức khoảng 900 USD, dự kiến đến năm 2030 có thể đạt trên 2.000 USD, đã trở thành nước công nghiệp (trong khoảng 1.000 - 2.500 USD).
- Theo phân loại của Ngân hàng Thế giới áp dụng cho năm tài chính 2020-2021, nhóm nước thu nhập trung bình cao có thu nhập bình quân đầu người từ 4.046 - 12.535 USD. Ngưỡng thu nhập trung bình cao trong 10 năm qua dao động trong khoảng từ 3.856 - 4.126 USD, năm 2010 là 3.856 USD, năm 2015 là 4.126 USD, năm 2020 là 3.996 USD, năm 2021 là 4.046 USD.

Mục tiêu cụ thể về kinh tế

01

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 7.500 USD/người.

02

Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP, kinh tế số đạt khoảng 30% GDP.

03

Tỉ lệ đô thị hoá đạt trên 50%.

04

Tổng đầu tư xã hội bình quân đạt 33 – 35% GDP; nợ công không quá 60% GDP.

05

Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt 50%.

06

Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt trên 6,5%/năm

07

Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GDP ở mức 1 – 1,5%/năm.

Mục tiêu cụ thể về xã hội và môi trường

01

Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt trên 0,7.

02

Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe đạt tối thiểu 68 tuổi.

03

Lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp giảm xuống dưới 20% trong tổng lao động nền kinh tế.

04

Tổng đầu tư xã hội bình quân đạt 33 - 35% GDP; nợ công không quá 60% GDP.

05

Tỉ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42 - 43%.

06

Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt trên 70%.

07

Giảm ít nhất 8% lượng phát thải khí nhà kính.

08

100% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường.

08

Tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3 - 5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia. So với kịch bản phát triển thông thường (kịch bản không có hành động chủ đích để giảm nhẹ phát thải).

Một số câu hỏi thảo luận về mục tiêu chiến lược

Các mức mục tiêu như vậy là cao hay thấp; cần điều chỉnh gì?

Số lượng chỉ tiêu về kinh tế, về văn hóa, xã hội và môi trường đã đủ hợp lý?

Có cần bổ sung thêm, hoặc bớt chỉ tiêu nào?

Liệu hệ thống các mục tiêu cụ thể đã đủ để đo lường và phản ánh đúng quá trình “cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế”?

Các đột phá chiến lược



Đột phá số 1 nhấn mạnh vào thể chế phân bổ nguồn lực làm thay đổi cách thức phân bổ nguồn lực và nâng cao hiệu lực quản trị quốc gia .



Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, trọng tâm là thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ. Huy động, sử dụng các nguồn lực thực hiện theo cơ chế thị trường.



Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, nhất là quản lý phát triển và quản lý xã hội. Xây dựng bộ máy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền bảo đảm quản lý thống nhất, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành.

Đột phá về khoa học và phát triển nguồn nhân lực

Đột phá số 2 về khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, khát vọng phát triển dân tộc:

01

Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, trọng tâm là hiện đại hoá và thay đổi phương thức giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; có chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia cả trong và ngoài nước.

02

Phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam; khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển của dân tộc, tinh thần yêu nước, tự hào, ý chí tự cường và lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội; xây dựng môi trường và đời sống văn hoá phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh, hội nhập quốc tế; đề cao ý thức, trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo pháp luật.

03

Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ mới, hình thành năng lực sản xuất mới có tính tự chủ và khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế; lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

04

Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam.

Đột phá về phát triển hạ tầng



Đột phá số 3.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu về giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, đô thị lớn, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển mạnh hạ tầng số, xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, vùng, địa phương kết nối đồng bộ, thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.



Một số câu hỏi thảo luận



Tiếp tục ba đột phá như trước là phù hợp? Hay bổ sung đột phá mới?, nếu bổ sung thêm, thì đó là đột phá gì?



Thể hiện đột phá như vậy hợp lý không?



Trọng tâm các đột phá đã phù hợp?, đã đủ rõ, đủ cụ thể để triển khai thực hiện? Cần bổ sung thêm những gì?



Có quá nhiều đột phá?



Hay có thêm đột phá gì?



PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội;

2. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế;

3. Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế;

4. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; phát triển nền kinh tế số; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô.

Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội

01

Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế, pháp luật đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, ổn định, cụ thể, minh bạch.

02

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả các thiết chế thi hành pháp luật, bảo đảm chấp hành pháp luật nghiêm minh.

03

Phát triển đầy đủ và đồng bộ thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là các thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ. Bảo đảm đầy đủ quyền tự do, an toàn trong hoạt động kinh doanh; huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực theo nguyên tắc thị trường.

04

Xây dựng, thử nghiệm, hoàn thiện khung khổ pháp lý, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới, kinh tế số, cung cấp dịch vụ công, quản lý và bảo vệ môi trường... theo nguyên tắc thị trường.

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

05

Phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế vùng, kinh tế biển, lấy các đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

06

Phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

07

Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

08

Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia

09

Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế

Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội



Cải cách quyết liệt, hiệu quả thủ tục hành chính, bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch. Phấn đấu đến năm 2030 môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu theo xếp hạng của Ngân hàng Thế giới.



Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ.



Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới.

Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội

01

Tăng cường liên kết doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học, trong đó tập trung vào nâng cao năng lực của doanh nghiệp về tiếp thu, làm chủ và từng bước tham gia tạo ra công nghệ mới.

02

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hình thành các trung tâm nghiên cứu và triển khai, đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

03

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

04

Phát triển doanh nghiệp khoa học, công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao. Nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, các khu công nghệ cao. Phát huy vai trò của các quỹ về phát triển khoa học và đổi mới công nghệ trong thúc đẩy nghiên cứu, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Phấn đấu đến năm 2030, tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40%.

Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội

01

Tập trung nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Tạo áp lực cạnh tranh trong môi trường kinh doanh để thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng công nghệ, tăng năng suất lao động. Tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Mở rộng và nâng cao hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hài hoà với tiêu chuẩn quốc tế.

02

Đổi mới và thực hiện chế độ quản lý mục đích sử dụng đất nông nghiệp một cách linh hoạt hơn; bãi bỏ các giới hạn về đối tượng được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp, tăng thời hạn giao đất, cho thuê đất nông nghiệp. Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng đất công; tăng cường giám sát, quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất giao cho các cộng đồng và doanh nghiệp nhà nước.

03

Cải cách thể chế về quyền tài sản, tập trung vào các khâu đăng ký sở hữu và sử dụng tài sản, xử lý tài sản thế chấp ngân hàng, thủ tục phá sản. Hoàn thiện pháp luật để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo đảm công khai, minh bạch và khắc phục tình trạng tranh chấp, khiếu kiện, tham nhũng, lãng phí; đổi mới các chính sách quản lý đất để khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất nông nghiệp, phát triển mạnh thị trường quyền sử dụng đất.

Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội

Về vai trò của nhà nước và quan hệ nhà nước thị trường:

01

Nhà nước thực hiện tốt chức năng xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường.

02

Bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh, thực thi hợp đồng của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

03

Sử dụng thể chế, các nguồn lực, công cụ điều tiết, cơ chế, chính sách phân phối, phân phối lại để phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh, nâng cao phúc lợi xã hội và bảo vệ môi trường.

Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội

01

Tiếp tục xây dựng, củng cố, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành và năng lực kiến tạo phát triển.

02

Xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường.

03

Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng được hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận với chi phí tuân thủ thấp, có sức cạnh tranh quốc tế, lấy quyền và lợi ích hợp pháp của người dân là trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới.

Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội

01

Xây dựng các thiết chế tư pháp hiện đại, trong sạch, hiệu lực, hiệu quả, dân chủ, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo vệ pháp luật, công lý, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

02

Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

03

Phát triển hoạt động dịch vụ pháp lý và các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài toà án.

04

Nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, thi hành án trong lĩnh vực dân sự, đầu tư, kinh doanh, thương mại và bảo vệ người tiêu dùng.

05

Không hình sự hoá các mối quan hệ kinh tế, hành chính, dân sự.

06

Phát huy đúng vai trò giám sát, phản biện xã hội, các hình thức tự quản của cộng đồng, các phương thức hoà giải cấp cơ sở.

Định hướng phát triển doanh nghiệp nhà nước, tư nhân và FDI

01

Đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, đẩy nhanh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực quốc tế; bảo đảm doanh nghiệp nhà nước là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước.

02

Đẩy mạnh cơ cấu lại, cổ phần hoá, thoái vốn; nâng cao hiệu quả hoạt động, sử dụng vốn của các doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới cách thức thực hiện cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, nhất là các biện pháp liên quan đến xác định giá trị quyền sử dụng đất, tài sản cố định, thương hiệu và giá trị truyền thống của doanh nghiệp cổ phần hoá. Hoàn tất việc sắp xếp lại khối doanh nghiệp nhà nước.

03

Tiền thu được từ cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tập trung đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm, quan trọng quốc gia, địa phương, bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp nhà nước then chốt quốc gia.

04

Hình thành đội ngũ quản lý doanh nghiệp nhà nước chuyên nghiệp, có trình độ cao, phẩm chất đạo đức tốt. củng cố, phát triển một số tập đoàn kinh tế nhà nước có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế trong một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

Định hướng phát triển doanh nghiệp nhà nước, tư nhân và FDI

01

Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân của người Việt Nam cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế.

02

Xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động.

03

Khuyến khích hình thành, phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế.

04

Phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp với tỉ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt 60 – 65%.

Về tư pháp



Về tư pháp, trong toàn bộ phần định hướng giải pháp chỉ vắn vện mấy câu sau đây:

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả các thiết chế thi hành pháp luật, đảm bảo thi hành pháp luật nghiêm minh (trong khổ đầu của trang 44);
 - Bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp và quyền tự do kinh doanh, thực thi hợp đồng của người dân và doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, (khổ thứ 2 trang 44);
 - Xây dựng các thiết chế tư pháp hiện đại, trong sạch, hiệu lực, hiệu quả, dân chủ, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo vệ pháp luật, công lý, bảo vệ chế độ XHCN, lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân....
 - Phát triển các hoạt động dịch vụ pháp lý và các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án.
- Nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, thi hành án trong lĩnh vực dân sự, đầu tư, kinh doanh, thương mại và bảo vệ người tiêu dùng”.

Rõ ràng, so với các nội dung khác, so với 2 nhánh quyền lực khác, thì các nội dung liên quan về tư pháp là rất ít, rất thiếu ... so với vị thế và yêu cầu cải cách hệ thống tư pháp thúc đẩy phát triển đất nước.

Xin cảm ơn!

TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM

Bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Trụ sở chính (Hà Nội):

Địa chỉ: Tầng 6 tòa tháp VCCI, số 9 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (+84)243.574.4001 – Fax: 0243.574.3001

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 5 Tòa nhà VCCI, số 171 Võ Thị Sáu
Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84)283.932.1632 – Fax: 0283.932.0119

Email: info@viac.org.vn | Website: www.viac.vn

